TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2022/HNGĐ-ST
Ngày 22 – 7 – 2022
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Ngọt

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Dương Vĩnh Thịnh

Bà Dương Thị Hồng Thùy

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thiên Trang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

Ngày 22 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 23/2022/TLST–HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2022 về tranh chấp ly hôn.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số: 104/2022/QĐST-HN ngày 15 tháng 7 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn P, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Số C 42nd S, S, C, Hoa Kỳ.

- *Bị đơn:* Ông Đặng Hoàng Đ, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18/3/2022 và văn bản xin vắng mặt ngày 18/3/2022, nguyên đơn bà Nguyễn P *trình bày:*

Bà và ông Đặng Hoàng Đ sau khoảng 01 năm tìm hiểu thì tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới vào ngày 02/01/2017, có đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân huyện G, tỉnh Bến Tre và được cấp giấy đăng ký kết hôn ngày 12/12/2016. Thời

gian chung sống hạnh phúc được khoảng 01 tháng, kể từ đầu tháng 02/2017 thì bà và ông Đ phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hợp nên thường xuyên cãi vả nhau. Hiện nay bà đã trở về Hoa Kỳ sinh sống, còn ông Đ thì ở Việt Nam. Nay bà nhận thấy tình cảm vợ chồng giữa bà và ông Đ không còn nên bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

Về hôn nhân: Bà Nguyễn P yêu cầu được ly hôn với ông Đặng Hoàng Đ, không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Do hiện tại bà Nguyễn P đã trở về Mỹ nên không thể về tham gia vào quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án được. Vì vậy, bà xin được vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng của vụ án bao gồm tất cả phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, các phiên xét xử của Toà án.

Về phía bị đơn ông Đặng Hoàng Đ đã được Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre tiến hành thủ tục tống đạt thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập ông Đặng Hoàng Đ đến Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; tham dự phiên tòa hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng ông Đặng Hoàng Đ vắng mặt không lý do. Do đó, Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre tiến hành xét xử vắng mặt ông Đặng Hoàng Đ theo quy định pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quan hệ tranh chấp giữa bà Nguyễn P và ông Đặng Hoàng Đ là ly hôn, nguyên đơn bà Nguyễn P có quốc tịch Hoa Kỳ và hiện đang ở Hoa Kỳ; bị đơn ông Đặng Hoàng Đ có địa chỉ ở Việt Nam nên căn cứ vào khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 2 Điều 38 và Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự thì thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa gia đình và người chưa thành niên Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn P và ông Đặng Hoàng Đ xác lập hôn nhân với nhau vào năm 2016 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện G, tỉnh Bến Tre và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 29 ngày 12/12/2016; nên hôn nhân giữa bà P và ông Đ là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Bà P cho rằng sau khi kết hôn thì bà và ông Đ chung sống hạnh phúc được khoảng 01 tháng, kể từ đầu tháng 02 năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn do

hai bên bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi vả nhau. Hiện nay bà P sinh sống ở Hoa Kỳ, còn ông Đ thì ở Việt Nam, hai bên không có điều kiện để hàn gắn tình cảm cũng như giải quyết mâu thuẫn. Nay bà P nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với ông Đ.

Tòa án đã tiến hành tống đạt thông báo thụ lý vụ án, triệu tập ông Đặng Hoàng Đ tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và phiên tòa hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng ông Đ vắng mặt không có lý do. Tòa án cũng không nhận được văn bản nêu ý kiến của ông Đ về những vấn đề mà bà P yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử thấy rằng hôn nhân của bà P và ông Đ đã lâm vào tình trạng trầm trọng, vợ chồng không có quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc bà P yêu cầu ly hôn với ông Đ là có căn cứ.

Từ những phân tích trên, nhận thấy việc bà P yêu cầu ly hôn với ông Đ là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Bà P không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn nên ghi nhận.

[3] Về con chung: Bà P trình bày không có.

[4] Về tài sản chung: Bà P trình bày không có.

[5] Về nợ chung: Bà P trình bày không có, Tòa án không nhận được văn bản ghi nhận lời trình bày của ông Đặng Hoàng Đ và không nhận được đơn yêu cầu độc lập nào của bên thứ ba nên không giải quyết. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp thì các bên đương sự có thể khởi kiện thành vụ kiện khác.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn P phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 2 Điều 38 và Điều 40, Điều 147, Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 56 và Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn của bà Nguyễn P đối với ông Đặng Hoàng Đ.

1.1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn P được ly hôn với ông Đặng Hoàng Đ.

1.2 Về con chung: Bà Nguyễn P trình bày không có.

1.3.Về tài sản chung: Bà P trình bày không có.

1.4.Về nợ chung: Bà Nguyễn P trình bày không có, Tòa án không nhận được văn bản ghi nhận lời trình bày của ông Đặng Hoàng Đ và không nhận được đơn yêu cầu độc lập nào của bên thứ ba nên không giải quyết. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp thì các bên đương sự có thể khởi kiện thành vụ kiện khác.

2. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn P phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0007042 ngày 04 tháng 5 năm 2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre. Bà P đã nộp xong.

Sung quỹ nhà nước số tiền 200.000 (hai trăm nghìn) đồng là chi phí thực tế thực hiện uỷ thác tư pháp về dân sự của Việt Nam ra nước ngoài theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0008345 ngày 21 tháng 7 năm 2022 của Cục thi hành án dân sự Bến Tre.

3. Bà Nguyễn P được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật. Ông Đặng Hoàng Đ được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre;
- UBND huyện Giồng Trôm;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Ngọt